TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2019/HNGĐ-PT
Ngày 31/12/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**
Các Thẩm phán: **Ông Trương Chí Anh**
Ông Ngô Tiến Phong
Thư ký phiên tòa: **Ông Lưu Việt Thắng**
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HNxét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 54/2019/HNGĐ-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ư, HN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 298/2019/QĐXX-PT ngày 12/12/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1958.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Sĩ L, sinh năm 1955.

Cùng trú tại: Thôn Từ Dương, xã C, huyện Ư, HN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Sĩ L: Luật sư Bùi Tiến Soạn và Luật sự Nguyễn Văn Thông - Văn phòng Luật sư Đông Hà, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Th trình bày:

- Về tình cảm: Bà Đỗ Thị Th kết hôn với ông Nguyễn Sĩ L trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào năm 1980, do sơ suất nên đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, bà sống chung cùng bố mẹ chồng 02 năm. Sau khi ông L xuất ngũ thì vợ chồng được bố mẹ cho ở riêng. Vợ chồng gặp khó khăn trong việc sinh con (nhiều lần bị sảy thai), đã chạy chữa nhiều năm

nhưng không có kết quả, sau này mới biết do ông L bị nhiễm chất độc màu da cam nên không có khả năng sinh con. Lúc này ông L chửi mắng bà Th nhưng bà vẫn nín nhịn để êm cửa êm nhà. Từ hơn chục năm trở lại đây, cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, căng thẳng do tính ích kỷ, độc ác, độc đoán, gia trưởng của ông L. Ông L thường xuyên chửi bới, đánh đập bà Th, mức độ nghiêm trọng ngày càng cao hơn, chính quyền thôn xã đã hòa giải nhiều lần. Bà Th cho rằng đã có ý định ly hôn từ hơn 10 năm trước để giải thoát nhưng vì lo ông L ốm đau không có người chăm sóc nên bà lại chịu đựng, nhưng càng ngày ông L càng có hành vi quá đáng nên bà buộc phải làm đơn xin ly hôn. Sau khi bà có đơn, được Tòa án khuyên giải và ông L viết cam kết sửa chữa khuyết điểm nên bà đồng ý quay về nhưng chỉ được vài ngày. Ngày 04/6/2018, ông L giật tóc, bóp cổ và đuổi bà Th ra khỏi nhà. Bà Th đã phải bỏ nhà đến ở nhờ nhà anh em con cháu cho đến nay, để lại toàn bộ tài sản.

Nay bà Th nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, bà đã phải chịu đựng sự hành hạ về thể xác và tinh thần trong nhiều năm nên xin được ly hôn với ông L để giải thoát khỏi tình trạng như hiện nay.

- Về con chung: Bà Th khai vợ chồng không có con chung và cũng không có con nuôi.

- Về tài sản, công sức và công nợ chung:

+ Sau kết hôn, đến năm 1987 vợ chồng mua được một thửa đất có diện tích 250m^2 thuộc thửa số 80, tờ bản đồ số 8, loại đất ở nông thôn tại xóm Hóc, thôn Tử Dương, xã C. Đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 748767 ngày 10/12/2013 đứng tên người sử dụng là ông Nguyễn Sĩ L và bà Đỗ Thị Th. Tiền mua đất là của vợ chồng, do khó khăn nên phải trả làm nhiều lần. Khi mua đất này là vườn thấp trũng, phải nhờ anh em hai bên nội ngoại vượt đất nhiều lần mới thành nền nhà. Đến năm 1990, ông bà làm được 03 gian nhà ngói cấp 4 và 01 gian buồng làm dở, năm sau làm nốt gian buồng và làm thêm công trình phụ, xây bể nước mưa, đổ trị sân… Tiền làm nhà chủ yếu do vợ chồng tích cóp được, tuy có phải vay mượn nhưng không đáng kể. Sau đó bà Th đã phải dùng số tiền 200.000 đồng là tiền mẹ đẻ cho để chữa bệnh để trả nợ và trả công thợ.

Năm 2012, ông bà làm lại công trình phụ, đổ mái bằng trên nền móng, tường cũ của công trình phụ trước đó, xây bể chứa nước, bể lọc trên nóc và sửa sang cải tạo lại nhà cũ, sân, cổng ngõ… Toàn bộ kinh phí đều là của vợ chồng, không phải vay mượn ai.

Bà Th cho rằng do hiện nay bà không có chỗ ở, phải đi ở nhờ nên đề nghị Tòa phân chia nhà đất của vợ chồng. Bà không có tiền để làm nhà và cũng theo ý kiến của ông L trong quá trình giải quyết vụ án đã đồng ý cho bà sử dụng toàn bộ nhà ở cấp 4, nên bà đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất kéo từ trong ra ngoài đường

xóm để bà Th sử dụng phần đất có nhà cấp 4, còn ông L sử dụng phần đất có công trình phụ, bể nước mưa, sân… Ông L có tiền nên có khả năng xây nhà mới để ở. Về chênh lệch giá trị tiền sử dụng đất và tài sản trên đất bà Th đề nghị giải quyết theo pháp luật.

+ Về ruộng cấy, từ khi vợ chồng ly thân thì ông bà đã tự thỏa thuận phân chia xong, các bên đang cấy phần của mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Năm 2007, ông bà mua được 3,5 cây vàng để dưỡng lão, ông L giữ hết. Từ năm 2011, ông L được hưởng trợ cấp chất độc da cam. Cùng với tiền bán lúa, lợn, gà… nhiều năm nên ông bà có dành dụm được một số tiền và cho vay. Ông L cho ông Lợi hàng xóm vay 60 triệu đồng (sau khi vợ chồng ly thân ông Lợi đã trả ông L) và gửi tiết kiệm 120.000.000đ tại Quỹ tín dụng Cầu Lão đứng tên ông L. Sổ tiết kiệm và số tiền ông Lợi trả hiện ông L đang quản lý. Do ông L luôn cho rằng số tiền và vàng này là tiền riêng nên bà Th không đề nghị Tòa án giải quyết mà đồng ý để ông L sử dụng toàn bộ.

+ Các vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm có: 01 chiếc xe máy, 02 chiếc xe đạp, 02 tủ gỗ, 01 tủ lạnh, 02 giường, 02 quạt điện, 01 bộ đồ nấu rượu, 05 tạ lúa… Các tài sản này ông L đều đang quản lý, sử dụng, tuy nhiên do đã cũ, giá trị không lớn nên ông bà sẽ tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Bà Th trình bày vợ chồng không nợ ai.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và các văn bản tố tụng khác ông Nguyễn Sĩ L trình bày:

- Về tình cảm: Ông Nguyễn Sĩ L kết hôn với bà Đỗ Thị Th trên cở sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã C vào năm 1980 nhưng đã bị thất lạc giấy đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống từ năm 1980 hòa thuận, đôi khi có xảy ra va chạm nhỏ nhặt là điều không thể tránh khỏi. Vợ chồng không có con chung nhưng vẫn cố gắng ở cùng nhau. Ông L thừa nhận do tính nóng nên nhiều lúc có đánh chửi bà, sau đó lại bình thường. Ông thừa nhận việc quản lý, nắm giữ kinh tế gia đình và làm các việc lớn khác đều do ông là người quyết định; còn việc chi tiêu sinh hoạt hàng ngày là do bà Th lo vì đây là việc không đáng kể, tiền này do bà Th đi làm thuê mà có.

Khoảng tháng 5/2018, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bà Th mang thóc cho em trai bà nhưng không hỏi ông L. Vợ chồng cãi nhau và bà Th bỏ về nhà đẻ ở. Từ khi bà Th đi, ông L không gọi về và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trước việc bà Th xin ly hôn, ông L không đồng ý mà mong muốn đoàn tụ, đồng thời hứa sẽ không đánh chửi bà Th nữa. Nếu bà Th nhất quyết ly hôn, ông L đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà Th và theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Ông L xác nhận vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung là nhà, đất và các vật dụng sinh hoạt:

+ Ông L thừa nhận như bà Th trình bày là đúng, các tài sản này đều do vợ chồng tạo dựng nên. Tuy nhiên, ông cho rằng để có được nhà đất này là có sự giúp đỡ, hỗ trợ nhiều từ phía anh chị em gia đình nhà ông; khi mua đất và làm nhà vợ chồng có vay mượn một số của anh em nhà ông, sau đó đều đã trả nợ hết từ nhiều năm trước, đến nay không còn nợ ai và cũng không ai còn nợ vợ chồng. Đối với yêu cầu của bà Th về chỗ ở là nhà đất của vợ chồng thì ông sẵn sàng chia đôi hoặc để cho bà Th quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất này, còn ông sẽ vào nhà của bố mẹ đẻ để ở. Trước mắt, giao cho bà Th 04 gian nhà trên để ở. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này ông L đã giao cho bà Th quản lý. Về chênh lệch giá trị đất và tài sản trên đất, ông L không có ý kiến gì.

+ Về các vật dụng sinh hoạt trong gia đình: Ông L thừa nhận bà Th trình bày là đúng và không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết mà để vợ chồng tự chia.

+ Về ruộng cấy: Ông L thừa nhận việc vợ chồng đã tự phân chia. Nếu bà Th muốn cấy phần của ông thì ông cũng để cho cấy vì hiện nay ông cũng không có nhu cầu và đang cho người khác cấy.

+ Về số tiền 120.000.000 đồng gửi tiết kiệm: Nguồn gốc tiền là do ông L được hưởng trợ cấp đối với người bị nhiễm chất độc da cam, cộng với tiền trước đây ông đi làm thêm (thợ xây). Khoản tiền cho ông Lợi vay cũng là tiền của riêng ông L. Ông L đã đòi tiền về và bán cả số vàng để có tiền để gửi tiết kiệm, vì vậy ông L mới đứng riêng tên mình. Ông L cho đây là tiền của riêng ông, không liên quan gì đến bà Th nên ông không đồng ý chia.

Xác minh của Tòa án nhân dân huyện Ứ:

Tại biên bản xác minh chính quyền địa phương thôn Tử Dương và xã C (Tại các bút lục từ 52 đến 55) cho biết: Về quan hệ hôn nhân theo hồ sơ sổ sách địa phương đang quản lý, lưu trữ chỉ có từ năm 1989 đến nay; hồ sơ của những năm trước đó địa phương không còn lưu giữ. Việc ông L và bà Th có giấy đăng ký kết hôn hay không địa phương không rõ. Tuy nhiên, địa phương xác nhận: Căn cứ thực tế cuộc sống ổn định của bà Th, ông L tại địa phương từ nhiều năm nay cũng như các giao dịch dân sự đều xác định ông L và bà Th là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà không có con chung và cũng không có con nuôi. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ mấy năm nay do ông L thường xuyên uống rượu, đánh chửi bà Th, nhiều lần chính quyền thôn phải can thiệp. Đã có lần bà Th đến Công an xã khai báo vì bị ông L đánh đập bà tàn nhẫn, bóp cổ bà. Ông L không chỉ đánh chửi bà Th mà còn thường xuyên gây sự, đánh cãi chửi nhau với hàng xóm, Ban Công an xã đã phải giải quyết. Trong cuộc sống gia đình, ông L thâu tóm toàn bộ kinh tế, tự mình quyết định mọi việc không có sự tôn trọng đối với bà Th, thường xuyên có những Li lẽ, hành động đe dọa tính mạng của bà Th. Hiện nay ông bà đã sống ly thân, bà Th đã về nhà anh em ruột để ở. Ông L trước đây là

bộ đội về phục viên, hiện đang được hưởng chế độ trợ cấp đối với người nhiễm chất độc màu da cam.

Tại bản án số 54/2019/HNGĐ-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ư, HN đã xử và quyết định:

Bà Đỗ Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Sĩ L.

Về tài sản: Tại thửa đất số 180 tờ bản đồ số 08, diện tích 250m^2, loại đất ở lâu dài tại thôn Tử Dương, xã C, huyện Ứ, TP. Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 748767 cấp ngày 10/12/2013 tên người sử dụng là ông Nguyễn Sĩ L và bà Đỗ Thị Th được chia làm 02 thửa.

- Giao cho bà Đỗ Thị Th được quyền quản lý sử dụng thửa đất có diện tích 127m^2 đất trị giá 254.000.000đ (Hai trăm năm mươi tư triệu đồng) được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 10 và 1;

Thửa đất có tứ cạnh cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Thế Họa có chiều dài 13,90m và 3,99m;

+ Phía Nam giáp ranh giới phân chia với ông L có chiều dài 19,02m;

+ Phía Đông giáp ngõ xóm có chiều dài 6,80m;

+ Phía Tây giáp hộ ông Nguyễn Văn Chinh có chiều dài 7,08m.

- Giao cho bà Đỗ Thị Th được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: 04 gian nhà ở cấp 4 diện tích 62,55m^2; phần tường bao phía Bắc giáp nhà ông Họa; 6,80 mét dài tường bao phía Đông giáp ngõ xóm (theo phần đất được chia) có tổng giá trị là 16.515.795đ.

Tổng giá trị tài sản nhà đất bà Th được hưởng: 270.515.795đ (*Hai trăm bẩy mươi triệu, năm trăm mười lăm nghìn,bẩy trăm chín lăm đồng).*

- Giao cho ông Nguyễn Sĩ L được quyền quản lý sử dụng thửa đất có diện tích 123m^2 trị giá 246.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng*) được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 4; Thửa đất có tứ cạnh cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp ranh giới phân chia với bà Th có chiều dài 19,02m;

+ Phía Nam giáp hộ ông Đỗ Năng Thắng và ông Nguyễn Duyên Tuyến có chiều dài 10,39m và 9,48m;

+ Phía Đông giáp ngõ xóm có chiều dài 5,82m;

+ Phía Tây giáp hộ ông Nguyễn Văn Chinh có chiều dài 4,69m và 2,20m.

- Giao cho ông Nguyễn Sĩ L được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà công trình phụ mái bằng bê tông cốt thép diện tích 22,34m^2, trên nóc có bể chứa nước và bể lọc; bể nước mưa; sân trị; giếng khoan; lán chăn nuôi phía sau nhà công trình phụ; trụ cổng, cánh cửa cổng và tường bao phía đông giáp ngõ xóm theo phần đất được chia có tổng giá trị là 87.805.450đ.

Tổng giá trị tài sản ông L được hưởng: **333.805.450đồng (***Ba trăm ba mươi ba triệu, tám trăm linh năm nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).* (Đất và tài sản trên đất được phân chia có sơ đồ kèm theo bản án).

Ông Nguyễn Sĩ L có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Đỗ Thị Th số tiền chênh lệch giá trị tài sản được hưởng là **31.644.828đ** (*Ba mươi mốt triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng*).

Xác nhận việc nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí định giá tài sản và không yêu cầu phân chia tài sản là tiền và vàng; xác nhận việc các bên đương sự không yêu cầu định giá và phân chia các tài sản là các đồ dùng sinh hoạt như xe máy, ti vi, tủ gỗ, giường… mà đề nghị để tự phân chia. Xác nhận việc các đương sự đều không yêu cầu phân chia ruộng cấy.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền liên hệ, đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất pheo diện tích đất được chia.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 07/10/2019 ông Nguyễn Sĩ L có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với phần chia tài sản, đề nghị chia đôi 04 gian nhà cấp 4, mỗi người được chia 02 gian nhà, đồng thời chia đôi các công trình phụ trợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đỗ Thị Th không rút đơn khởi kiện, ông Nguyễn Sĩ L là người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau việc giải quyết vụ án và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

- Ông Nguyễn Sĩ L và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thống nhất trình bày: Hiện nay ông L già yếu, là người bị nhiễm chất độc da cam, không có khả năng lao động nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của ông L chia tài sản là nhà, công trình phụ chia đôi cho cả hai người đều có nhà và công trình phụ để sử dụng tiện cho việc sinh hoạt.

- Bà Đỗ Thị Th trình bày: Bản thân bà cũng là người già yếu, cũng không có thu nhập. Quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm bà cũng đã nhường cho ông L nhiều khoản trong đó có cả tiền, vàng. Mặt khác ông L còn có trợ cấp, tiền nên vẫn đủ điều kiện để xây nhà. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản cho bà và ông L thì bà không thắc mắc vì chia đôi thửa đất như vậy mới tiện sinh hoạt cho cả hai bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HNphát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Các đương sự và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Sĩ L nằm trong thời hạn nên được đưa ra xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của ông L thì thấy rằng cấp sơ thẩm đã chia tài sản chung của ông bà là đảm bảo giá trị của thửa đất cũng như quyền lợi của các bên nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông L, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của của người kháng cáo nằm trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên chấp nhận đưa ra xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã chia đôi thửa đất cho cả bà Đỗ Thị Th và ông Nguyễn Sĩ L là thỏa đáng, vừa đảm bảo quyền lợi của hai bên, vừa giữ được giá trị của thửa đất. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông L. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

Về án phí: Ông Nguyễn Sĩ L là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Sĩ L. Giữ nguyên bản án số 54/2019/HNGĐ-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ư, HN.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Sĩ L không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND Hà Nội;*
- *TAND huyện Ứ, HN;*
- *Chi cục THADS huyện Ứ, HN;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**